**HỌC LIỆU ĐỊA LÍ KHỐI 9 TUẦN 3 ,4**

**\*Hướng dẫn:** các em ghi nội dung bài 5,6,7,8 bên dưới vào tập học

**TUẦN 3**

**Bài 5: THỰC HÀNH**

**PHÂN TÍCH VÀ SO SÁNH THÁP DÂN SỐ**

**NĂM 1989 VÀ NĂM 1999**

**Câu 1. Phân tích và so sánh hai tháp dân số năm 1989 và năm 1999**

****

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Yếu tố phân tích | Năm 1989 (%) | Năm 1999 (%) | Giải thích |
| Hình dạng | - Đáy rộng:39 - Đỉnh nhọn: 7,2  | - Đáy hẹp: 33,5- Đỉnh rộng hơn: 8,1 | Tỉ lệ sinh có xu hướng giảm, người ngoài tuổi lao động tăng dần |
| Cơ cấu dân số:**Theo độ tuổi**- Dưới tuổi lao động- Trong độ tuổi lao động- Ngoài tuổi lao động**Giới tính**- Nam - Nữ | 39,053,87,248,751,3 | 33,5 (thấp hơn)58,4 (cao hơn)8,1 (cao hơn)49,250,8 | Kết cấu dân số trẻ đang già điĐang giảmĐang tăngĐang tăngĐang tăngĐang giảm |
| Tỉ lệ dân số phụ thuộc. | Tỉ lệ trẻ em, tỉ lệ người già, tỉ lệ tuổi lao động (thất nghiệp, mất khả năng lao động) |

 **Câu 2:** Từ những phân tích và so sánh trên, nêu nhận xét sự thay đổi của cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta. Giải thích nguyên nhân.

- 0 🡢 14 tuổi: giảm: 39 🡢 33,5%

- 15 🡢 59 tuổi: tăng: 53,8 🡢 58,4 %

- Trên 60 tuổi: tăng: 7,2 🡢 8,1 %

Do: - Chất lượng cuộc sống nâng cao: y tế, chế độ dinh dưỡng.

* Kế hoạch hóa gia đình tăng

 **Câu 3**: Cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta có thuận lợi và khó khăn gìcho phát triển kinh tế - xã hội? chúng ta cần phải có những biện pháp nào để từng bước khắc phục những khó khăn đó?

- Thuận lợi: nguồn lao động lớn; thị trường tiêu thụ mạnh.

- Khó khăn: Sức ép việc làm, tài nguyên cạn kiệt, ô nhiễm môi trường, nhu cầu nhà ở, y tế, giáo dục tăng.

- Giải pháp:

 + Kế hoạch giáo dục - đào tạo hợp lí, hướng nghiệp dạy nghề

 + Phân bố lại lực lượng lao động theo ngành và lãnh thổ

 + Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**PHẦN II – ĐỊA LÍ KINH TẾ**

Bài 6: SỰ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

**I. Nền kinh tế nước ta trước thời kì đổi mới.**

( Giảm tải - học sinh tự đọc thêm trong SGK)

**II. Nền kinh tế nước ta trong thời kì đổi mới.**

**1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

a) Chuyển dịch cơ cấu ngành:

- Giảm tỉ trọng khu vực nông – lâm – ngư nghiệp.

- Tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng.

- Dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhưng còn biến động.

b) Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ:

Hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp, vùng tập trung công nghiệp, dịch vụ, tạo nên vùng kinh tế phát triển năng động.

c) Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế:

Chuyển dịch từ nền kinh tế nhà nước sang nền kinh tế nhiều thành phần .

**2. Những thành tựu và thách thức**

**a. Thành tựu**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế vững chắc.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa

- Đưa đất nước tiến vào hội nhập…

**b. Thách thức**

**-** Tài nguyên đang dần cạn kiệt vì khai thác quá mức

- Vấn đề việc làm, môi trường, an ninh xã hội, y tế giáo dục còn nhiều hạn chế…

- Thách thức lớn khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

**CÂU HỎI BÀI TẬP**

**Câu 2: Trang 23 SGK Địa lí 9**

**a)** Vẽ biểu đồ tròn dựa vào bảng số liệu dưới đây:

Bảng 6.1. Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế, năm 2002

|  |  |
| --- | --- |
| **Các thành phần kinh tế** | **Tỉ lệ %** |
| Kinh tế nhà nước | 38,4 |
| Kinh tế ngoài nhà nước | 47,9 |
| Kinh tế tập thể | 8,0 |
| Kinh tế tư nhân | 8,3 |
| Kinh tế cá thể | 31,6 |
| Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | 13,7 |
| Tổng cộng | 100,0 |

b) Nhận xét về thành phần cơ cấu kinh tế

TUẦN 4

 **Bài 7: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp**

### **1. Các nhân tố tự nhiên**

**a. Tài nguyên đất**

- Đất là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất không thể thay thế của ngành nông nghiệp.

- Tài nguyên đất đa dạng, gồm 2 nhóm chính: đất phù sa và đất feralit

   + Đất phù sa: khoảng 3 triệu ha, tập trung tại các đồng bằng, thích hợp nhất với cây lúa nước, các loại cây ngắn ngày.

   + Đất feralit: trên 6 triệu ha, tập trung chủ yếu ở miền núi, cao nguyên thích hợp trồng cây công nghiệp lâu năm (cà phê, cao su, cây ăn quả) và một số cây ngắn ngày.

   + Hiện nay, diện tích đất nông nghiệp là hơn 9 triệu ha. Sử dụng hợp lí tài nguyên đất có ý nghĩa to lớn đối với phát triển nông nghiệp nước ta.

**b. Tài nguyên khí hậu**

- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Phân hoá rõ rệt theo chiều bắc – nam, theo mùa và theo độ cao.

- Thuận lợi:

   + Cây trồng phát riển quanh năm.

   + Cơ cấu cây trồng đa dạng: cây nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới.

- Hạn chế:

   + Sâu bệnh dễ phát sinh, phát triển.

   + Khó khăn cho thu hoạch, ...

   + Gây ngập úng, sương muối, rét hại, hạn hán…

**c. Tài nguyên nước**

- Nguồn nước phong phú và có giá trị về thủy lợi: mạng lưới sông ngòi, ao hồ dày đặc, nước ngầm khá dồi dào.

- Thuận lợi: Cung cấp nguồn nước trồng lúa, nước tưới quan trọng.

- Hạn chế: lũ lụt vào mùa mưa, hạn hán thiếu nước vào mùa khô cần xây dựng hệ thống thủy lợi hợp lí.

**d. Tài nguyên sinh vật**

Động, thực vật phong phú là cơ sở để thuần dưỡng, lai tạo nên các giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng tốt.

### **2. Các nhân tố kinh tế – xã hội**

Các điều kiện kinh tế - xã hội ngày càng được cải thiện, có vai trò quyết định tạo nên những thành tựu to lớn trong nông nghiệp.

**a. Dân cư và lao động nông thôn**

- Lao động tập trung chủ yếu trong ngành nông nghiệp, khoảng 60% (năm 2003).

- Lao động nông thôn giàu kinh nghiệm, gắn bó với đất đai, cần cù, sáng tạo trong lao động.

**b. Cơ sở vật chất - kĩ thuật**

- Cơ sở vật chất – kĩ thuật ngày càng hoàn thiện.

- Công nghiệp chế biến nông sản phát triển và góp phần tăng giá trị và khả năng cạnh tranh hàng nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất, đẩy mạnh phát triển các vùng chuyên canh.

**c. Chính sách phát triển nông nghiệp**

Là cơ sở động viên nông dân vươn lên làm giàu, thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

Ví dụ như: phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, nông nghiệp hướng ra xuất khẩu…

**d. Thị trường trong và ngoài nước**

- Thị trường được mở rộng thúc đẩy sản xuất, đa dạng hóa về cơ cấu cây trồng.

- Khó khăn:

   + Sức mua thị trường trong nước còn hạn chế.

   + Biến động của thị trường xuất khẩu làm tăng tính rủi ro, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển một số cây trồng, vật nuôi quan trọng.

**Bài 8: Sự phát triển và phân bố nông nghiệp**

### **1. Ngành trồng trọt**

- Đặc điểm:

   + Trồng trọt chiếm ưu thế với cây lương thực là chủ yếu.

   + Cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt có sự thay đổi:

      + Tỉ trọng cây lương thực giảm.

      + Tỉ trọng cây công nghiệp tăng.

**a. Cây lương thực**

- Gồm cây lúa và các cây hoa màu như ngô, khoai, sắn.

- Lúa là cây trồng chính ở nước ta: diện tích, năng suất, sản lượng lúa và bình quân lúa đầu người không ngừng tăng lên.

- Hai vùng trọng điểm lúa lớn nhất là: đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long.

**b. Cây công nghiệp**

- Vai trò:

   + Là nguồn hàng xuất khẩu có giá trị, thu ngoại tệ.

   + Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

   + Phá thế độc canh trong nông nghiệp.

   + Bảo vệ môi trường.

- Cơ cấu:

   + Cây công nghiệp hằng năm gồm: lạc, mía, đậu tương, bông, dâu tằm, thuốc lá.

   + Cây công nghiệp lâu năm gồm: cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, dừa, chè.

- Phân bố: Tập trung nhiều nhất ở Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, trên các vùng núi, cao nguyên và bán bình nguyên.

**c. Cây ăn quả**

- Phát triển mạnh với nhiều loại cây có giá trị

- Các vùng trồng cây ăn quả lớn nhất nước ta là: đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

### **2. Ngành chăn nuôi**

Chiếm tỉ trọng còn nhỏ trong cơ cấu nông nghiệp, chăn nuôi theo hình thức công nghiệp đang được mở rộng.

**a. Chăn nuôi trâu, bò**

- Đàn trâu:

   + Khoảng 3 triệu con; chủ yếu lấy sức kéo.

   + Phân bố nhiều nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

- Đàn bò:

   + Có trên 4 triệu con; chủ yếu để lấy thịt, sữa, một phần sức kéo.

   + Phân bố nhiều nhất ở duyên hải Nam Trung Bộ, chăn nuôi bò sữa đang phát triển ở ven thành phố lớn.

**b. Chăn nuôi lợn**

- Đàn lợn tăng khá nhanh (năm 2002 có 23 triệu con).

- Tập trung ở vùng có nhiều hoa màu lương thực hoặc đông dân: đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

**c. Chăn nuôi gia cầm**

- Đàn gia cầm tăng nhanh (năm 2002 có hơn 230 triệu con).

- Chăn nuôi gia cầm phát triển nhanh ở đồng bằng.

**HỌC LIỆU LỊCH SỬ KHỐI 9 TUẦN 3,4**

**TUẦN 3:**

**BÀI 2: CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LATINH TỪ NĂM 1918 ĐẾN NAY**

1. **Châu Á**
2. **Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 (HS tự học)**

HS đọc SGK lớp 8, phần châu Á để nhớ lại kiến thức cũ.

1. **Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991**
2. **Tình hình chung**

HS đọc SGK lớp 9

1. **Những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991**

**\* Nhật Bản:**

- CTTG II kết thúc, Nhật là nước bại trận, đất nước bị tàn phá, kinh tế khó khăn.

- Từ năm 1946, Nhật ban hành Hiến pháp mới có nhiều nội dung tiến bộ.

- Từ năm 1950, kinh tế Nhật được khôi phục.

- Bước sang những năm 60, kinh tế Nhật tăng trưởng thần kì, vươn lên đứng thứ hai trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

- Từ những năm 70 của thế kỉ XX, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới.

- Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản lâm vào tình trạng suy thoái.

**\* Dặn dò: Học mục 2. Nhật Bản**

**TUẦN 4:**

**BÀI 2: CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LATINH TỪ NĂM 1918 ĐẾN NAY (Tiếp theo)**

**\* Trung Quốc:**

- Từ năm 1946-1949: nội chiến giữa Quốc Dân Đảng và Đảng Cộng Sản

- Ngày 1/10/1949, Đảng Cộng Sản thắng lợi, Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

- Từ 1949-1959, hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế.

- Từ 1959-1978, đất nước gặp nhiều khó khăn, biến động.

-Từ tháng 12/1978, thực hiện cải cách mở cửa => kinh tế phát triển, xã hội ổn định, địa vị quốc tế được nâng cao.

**\* Ấn Độ.**

- 1945 – 1947, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển mạnh.

- Kết quả: thực dân Anh nhượng bộ → chia Ấn Độ thành 2 nước: Ấn Độ và Pakixtan (15/8/1947).

- Không thỏa mãn, Đảng Quốc Đại tiếp tục đấu tranh

→ 26/1/1950, Ấn Độ giành độc lập, thành lập nền cộng hòa.

-Trong xây dựng đất nước, Ấn Độ đạt nhiều thành tựu: công nghiệp nặng, chế tạo máy, xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại, cách mạng xanh trong nông nghiệp.

- Ấn Độ là một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới.

 **\* Dặn dò: Học mục 2. Trung Quốc, Ấn Độ**

**HỌC LIỆU GDCD KHỐI 9 TUẦN 3 ,4**

**TUẦN 3 BÀI 2 TỰ CHỦ**

**I. Đặt vấn đề**

* Một người mẹ (SGK/6): Bà Tâm là người biết làm chủ bản thân mình điều khiển được những suy nghĩ, tình cảm và hành vi của mình trong mọi hoàn cảnh,
* Chuyện của N (SGK/7): N thiếu suy nghĩ, không biết điều chỉnh hành vi, việc làm sai trái của mình: Tiếp tục trốn học, trộm cắp, hút chích.-> N thiếu tự chủ

**II. Nội dung bài học.**

1. **Khái niệm tự chủ:**
* Tự chủ là làm chủ bản thân.
* Người biết tự chủ là người làm chủ được suy nghĩ, tình cảm, hành vi của mình trong mọi hoàn cảnh, điều kiện của cuộc sống.
1. **Biểu hiện của tính tự chủ:**
* Thái độ bình tĩnh tự tin.
* Biết tự điều chỉnh thái độ; hành vi của mình,
* Biết tự kiểm tra,đánh giá bản thân mình.
1. **Ýnghĩa của tính tự chủ:**
* Tự chủ là 1 đức tính quí giá.
* Có tính tự chủ con người sống đúng đắn, cư xử có đạo đức, có văn hoá.
* Tính tự chủ giúp con người vượt qua khó khăn, thử thách và cám dỗ.
1. **Rèn luyện tính tự chủ:**
* Suy nghĩ kĩ trước khi nói và hành động.
* Xem xét thái độ,lời nói hành động, việc làm của mình đúng hay sai.
* Biết rút kinh nghiệm và sửa chữa

**III. Bài tập:**

Bài 1 trang 8

**\* Em đồng tình với những ý kiến (a), (b), (d), (e):**

**=>** Em đồng tình là bởi vì những biểu hiện đó là những biểu hiện của người có tính tự chủ, thể hiện sự quan tâm, suy nghĩ chín chắn

**\* Em không đồng tình với ý kiến (c) và (đ):**

**=>** Em không đồng tình là bởi vì người có tính tự chủ là người biết điều chỉnh suy nghĩ, hành động của mình cho phù hợp với những tình huống, hoàn cảnh khác nhau, không hành động một cách mù quáng theo ý thích cá nhân của mình. Nếu ý thích đó là không đúng, không phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hay chuẩn mực xã hội.

**IV.Dặn dò:**

* Xem và làm các bài tập còn lại vào tập.
* Chuẩn bị bài 3:Dân chủ và kỉ luật

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC( Lưu ý: KHÔNG ghi phần này vào tập)**

- Học sinh tự đọc sách và trả lời câu hỏi phần gợi ý trang 7 SGK GDCD 9.

- Học sinh viết phần nội dung chính vào tập và học thuộc.

- Hoàn thành phần luyện tập vào vở.

- Tìm hiểu những câu chuyện về tấm gương những người tự chủ trên sách, báo, internet./

**Tuần 4 DÂN CHỦ VÀ KỈ LUẬT (Tiết 1)**

**I. Đặt vấn đề**

***Đọc truyện:***

Chuyện của lớp 9A.

- Lớp 9A, mọi khó khăn đã được khắc phục, kế hoạch đã thực hiện tốt, cuối năm lớp được tuyên dương 🡪 dân chủ kỉ luật

Chuyện ở một công ti

**-** Ông giám đốc là người độc đoán, chuyên quyền, gia trưởng….🡪Thiếu dân chủ kỉ luật.

**II. Nội dung bài học**

***\* Khái niệm:***

* Dân chủ là:
	+ Mọi người làm chủ công việc
	+ Mọi người được viết được cùng tham gia.
	+ Mọi người góp ý kiến thực hiện kiểm tra giám sát
* Kỉ luật là:
	+ Tuân theo quy định của cộng đồng
	+ Hành động thống nhất để đạt chất lượng cao.

***\* Ý nghĩa:***

* Tạo ra sự thống nhất cao về nhận nhận thức, ý trí và hành động.
* Tạo điều kiện cho sự phát triển của mỗi cá nhân
* Xây dựng xã hội phát triển về mọi mặt

***\* Rèn luyện:***

* Mọi người cần tự giác chấp hành kỷ luật
* Các cán bộ lãnh đạo, các tổ chức xã hội; tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huyDân chủ, kỉ luật.
* HS vâng lời bố mẹ thực hiện quy định của trường.

**III.Bài tập:**

Bài 2 trang 11 GDCD 9

Ví dụ: Lắng nghe ý kiến thầy cô và các bạn; tuân thủ nội quy của trường lớp. Trong các hoạt động tập thể tích cực phát biểu ý kiến…

Bài 4 trang 11 GDCD 9

 Để thực hiện tốt dân chủ và kỉ luật trong nhà trường, học sinh chúng ta cần phải:

     + Thực hiện tốt nội quy của nhà trường, của lớp đề ra.

     + Bản thân cần tích cực học tập, rèn luyện, có ý kiến nhận xét đánh giá tích cực và sáng suốt các vấn đề chung của lớp, trường.

     + Có tinh thần, trách nhiệm trong học tập và công việc, luôn có ý thức vì tập thể.

**IV. Dặn dò:**

 **CÁC EM XEM LẠI CÁC BÀI TẬP CỦA BÀI 1,2, HỌC NỘI DUNG BÀI HỌC CỦA BÀI 1,2 (BÀI CHÍ CÔNG VÔ TƯ VÀ TỰ CHỦ) CHUẨN BỊ TUẦN 5 KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN.**

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC( Lưu ý: KHÔNG ghi phần này vào tập)**

- Học sinh tự đọc sách giáo khoa và trả lời câu hỏi phần gợi ý từ trang 9 đến trang 10 SGK GDCD 9.

- Học sinh viết phần nội dung chính vào tập và học thuộc.

- Hoàn thành phần luyện tập vào vở.

- Tìm hiểu những câu chuyện về tấm gương mẫu truyện ngắn về dân chủ, kỉ luật trên sách, báo, internet./